

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ **Chị Cà Thị S**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.**

+ **Anh Lò Văn T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 9 năm 2024, người yêu cầu gồm **chị Cà Thị S** và **anh Lò Văn T** đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Chị Cà Thị S** và **anh Lò Văn T** kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên** ngày 20/11/2013, anh chị kết hôn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và bỏ mặc nhau, vợ hoặc chồng muốn sống ra sao thì sống. Đời sống hôn nhân không

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. **Chị S, anh T** thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] **Về con chung:** **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** có 03 người con chung là **Lò Thị Diệu L, sinh ngày 03/11/2013; Lò Hà V, sinh ngày 05/02/2016 và Lò Gia H, sinh ngày 02/11/2020.** Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu **Lò Thị Diệu L, cháu Lò Hà V** cho **chị Cà Thị S** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu **Lò Gia H** cho **anh Lò Văn T** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, công nhận về cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] **Về tài sản chung:** **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về nợ chung:** **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện, kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn nộp lệ phí Tòa án. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Chị S, anh T** được miễn nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của **chị Cà Thị S** và **anh Lò Văn T** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân:** **Chị Cà Thị S** và **anh Lò Văn T** thuận tình ly hôn.

1.2. **Về con chung:** Giao cháu **Lò Thị Diệu L, sinh ngày 03/11/2013; cháu Lò Hà V, sinh ngày 05/02/2016** cho **chị Cà Thị S** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu **Lò Gia H, sinh ngày 02/11/2020** cho **anh Lò Văn T** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. **Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn **chị Cà Thị S, anh Lò Văn T** có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình;

chị Cà Thị S, anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị S, anh T thực hiện quyền này. Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con.

1.3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Cà Thị S, anh Lò Văn T được miễn nộp toàn bộ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giàng A Tăng